

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 03 - 4 - 2018
V/v tranh chấp “Quyền sử dụng
đất, yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương
2. Bà Lê Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: số 125/2017/TLST- DS, ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 14/03/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1971, có mặt.

2.1. Bà Lê Thị Ta, sinh năm 1970, có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

Bà Trần Thị Th, sinh năm 1933, có mặt.

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th là Luật sư Hứa Hoàng Ch - Văn phòng Luật sư Hứa Hoàng Ch, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lê Thị T1, sinh năm 1960, có mặt.

3.2. Lê Thị Ng, sinh năm 1966, có mặt.

3.3. Lê Thị Ch, sinh năm 1968, có mặt.

3.4. Lê Thị L, sinh năm 1975, có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

3.5. Lê Văn X, sinh năm 1959, có mặt.

3.6. Lê Thị H, sinh năm 1964, có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã MHD, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện CP;

Địa chỉ: Ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Ủy quyền cho ông Tăng Văn D - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CP tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2016, vắng mặt.

3.8. Ông Huỳnh Văn Tha, sinh năm 1987, vắng mặt

3.9. Bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1990, vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

3.10. Đặng Vũ Ln, sinh năm 1991, vắng mặt.

3.11. Đặng Vũ Tn, sinh năm 1998; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

3.12. Trần Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1993, vắng mặt

3.13. Trần Trung T1, sinh năm 2006 (Người đại diện hợp pháp của Trần Trung T1 là bà Lê Thị L, sinh năm 1975); có mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp BY, xã BT, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị Ta trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 518m² tọa lạc tại ấp BY, xã BT, huyện CP, An Giang là của cha mẹ của ông, bà là ông Lê Văn Đ (đã chết năm 2004) và bà Trần Thị Th. Trước đây vợ chồng ông bà có công chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, vì vậy vào năm 2008 mẹ là bà Trần Thị Th cùng các anh chị em trong gia đình đồng ý cho vợ chồng ông bà kê khai đứng tên phân đất diện tích 518m².

Lúc trước ông bà có khởi kiện yêu cầu buộc bà Th phải trả lại cho ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF cấp ngày 05/3/2008, trả lại phần đất diện tích 518m² và yêu cầu bà Th phải bồi thường chuồng bò 10.000.000đồng, các cây trồng trên đất gồm: 05 cây me nước, 02 cây mít, 02 cây mận, 01 cây còng, 01 cây bạch đàn, 01 cây xoài mỗi cây 1.000.000đồng, nay ông bà xin rút lại toàn bộ các yêu cầu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chỉ yêu cầu được nhận một nền nhà diện tích 92,1m², theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh huyện CP. Đồng ý di dời chuồng bò, một phần nhà, cây trồng trên đất trả lại cho bà Th diện tích đất còn lại là 425,9m². Ông bà thống nhất với giá trị đất đã định, không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa ông T, bà Ta xác định: rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện

không yêu cầu bà Th phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu bà Th trả lại phần đất 518m² và không yêu cầu bà Th phải bồi thường chuồng bò 10.000.000đồng, các cây trồng trên đất gồm: 05 cây me nước, 02 cây mít, 02 cây mận, 01 cây còng, 01 cây bạch đàn, 01 cây xoài mỗi cây 1.000.000đồng. Yêu cầu được nhận một nền nhà diện tích 92,1m², theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện CP, đồng ý di dời chuồng bò, một phần nhà, cây trồng trên đất trả lại cho bà Th diện tích đất còn lại là 425,9m² và đồng ý chịu các chi phí tố tụng đã tạm ứng.

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Th trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà và chồng là ông Lê Văn Đ (chết ngày 29/11/2004) chuyển nhượng lại gần 50 năm nay, sau khi ông Đ chết bà và các con vẫn ở trên phần đất này. Đến năm 2008, vợ chồng ông T, bà Ta chở bà Th đến Ủy ban nhân dân xã BT nói làm giấy đất, bà dốt không biết gì nên đi cùng các con, sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T, bà Ta đưa cho bà giữ, bà Th nghĩ giấy đỏ đứng tên bà nên bà giữ. Đến năm 2013, khi dỡ nhà ra sửa chữa, con bà Th là bà Lê Thị L lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra xem mới phát hiện đất bị vợ chồng ông T kê khai đứng tên. Việc ông T, bà Ta được cấp quyền sử dụng đất là không đúng theo quy định của pháp luật.

Lúc trước bà có yêu cầu vợ chồng ông T, bà Ta trả lại phần đất 518m², nay bà xin rút lại một phần yêu cầu, bà đồng ý cho ông T và bà Ta diện tích đất 92,1m², theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh huyện CP. Yêu cầu bà Ta, ông T phải tháo dỡ, di dời chuồng bò, một phần nhà, các cây trồng trên đất để trả lại cho bà và các con Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L phần đất còn lại là 425,9m²; bà đồng ý hỗ trợ cho bà Ta, ông T 5.000.000đồng tiền di dời chuồng bò.

Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF cấp ngày 05/3/2008 diện tích 518m² do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho ông T, bà Ta.

Bà thống nhất với giá trị đất đã định, không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa bà Th xác định: Rút lại một phần yêu cầu phản tố, đồng ý cho ông T và bà Ta diện tích đất 92,1m², theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện CP; yêu cầu bà Ta, ông T phải tháo dỡ, di dời chuồng bò, một phần nhà, các cây trồng trên đất để trả lại cho bà và các con Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L phần đất còn lại là 425,9m²; bà đồng ý cùng các con hỗ trợ cho bà Ta, ông T 5.000.000đồng tiền di dời chuồng bò, đồng ý chịu chi phí đo đạc đã tạm ứng trước.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Th, các ông bà không yêu cầu chia thừa kế phần đất 518m², các ông bà đồng ý cho ông T và bà Ta diện tích đất 92,1m², theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng

ký đất đai - chi nhánh huyện CP. Yêu cầu bà Ta, ông T phải tháo dỡ, di dời chuồng bò, một phần nhà, các cây trồng trên đất để trả lại cho bà Th và các ông bà Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L phần đất còn lại là 425,9m²; các ông bà đồng ý cùng bà Th hỗ trợ cho bà Ta, ông T 5.000.000đồng tiền di dời chuồng bò.

Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF cấp ngày 05/3/2008 diện tích 518m² do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho ông T, bà Ta. Các ông bà thống nhất với giá trị đất đã định, không yêu cầu định giá lại.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện CP tại Công văn số 914/UBND-VP ngày 01/9/2017:

Ngày 06/6/2007 ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị Ta có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nội dung kê khai nguồn gốc đất “Cha mẹ cho năm 2007” và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận: Đất không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Năm 2008 ông T, bà Ta được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF ngày cấp 05/3/2008 diện tích 518m², thửa đất số 21, tờ bản đồ 56, đất tọa lạc ấp BY, xã BT, huyện CP, An Giang. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà Ta là đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Phản tranh luận:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuy nhiên vụ án có vi phạm về thời hạn xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự T, Ta, Th, Ng, H, T1, Ch, X, L.

Ông T, bà Ta được sử dụng phần đất diện tích 92,1m² theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện CP.

Các ông bà Th, Ng, H, T1, Ch, X, L được sử dụng phần đất diện tích 425,9m² theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện CP.

Ông T, bà Ta phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời chuồng bò, một phần căn nhà, các cây trồng trên đất để trả lại cho bà Th và các con bà Th diện tích đất còn lại là 425,9m².

Công nhận sự tự nguyện của các ông bà Th, Ng, H, Thu, Ch, X, L hỗ trợ tiền di dời cho ông T, bà Ta số tiền 5.000.000đồng.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF cấp ngày 05/3/2008 diện tích 518m² do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho ông T, bà Ta.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của ông T, bà Ta buộc bà Th phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất 518m².

Đình chỉ yêu cầu của bà Th yêu cầu ông T, bà Ta phải trả lại phần đất 92,1m².

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng tại phiên tòa các đương sự tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đã tạm ứng trước đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ủy ban nhân dân huyện CP có Công văn số 1003/UBND-VP ngày 05/10/2017 xin xét xử vắng mặt; các đương sự Huỳnh Văn Tha, Huỳnh Thị Ngọc C, Đặng Vũ Ln, Đặng Vũ Tn, Trần Thị Quỳnh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện CP và các đương sự Tha, C, Ln, Tn, Tr.

Đối với người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bị đơn vẫn đồng ý xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, không yêu cầu hoãn phiên tòa, do đó tiến hành xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn có các yêu cầu sau: Yêu cầu bà Th phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bà Th phải trả lại phần đất 518m² và yêu cầu bà Th phải bồi thường chuồng bò 10.000.000đồng, các cây trồng trên đất gồm: 05 cây me nước, 02 cây mít, 02 cây mận, 01 cây còng, 01 cây bạch đàn, 01 cây xoài mỗi cây 1.000.000đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa các nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bà Th có yêu cầu vợ chồng ông T, bà Ta trả lại phần đất 518m², yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T, bà Ta đứng tên, tại phiên tòa bà Th rút lại một phần yêu cầu, chỉ còn yêu cầu ông T, bà Ta trả lại phần đất 425,9m², và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà Ta; đồng ý cho ông T, bà Ta diện tích đất 92,1m². Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên hòa giải ngày 14/3/2018 và tại phiên tòa các ông bà T, Ta, Th, Ng, H, Thu, Ch, X, L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Ông T và bà Ta được sử dụng diện tích đất 92,1m², theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện CP; bà Ta, ông T đồng ý tháo dỡ, di dời chuồng bò, một phần nhà, các cây trồng trên đất để trả lại cho bà Th và các ông bà Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L phần đất còn lại là 425,9m². Các ông bà Th, Ng, H, T1, Ch, X, L đồng ý hỗ trợ tiền di dời cho ông T, bà Ta 5.000.000đồng.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức và pháp luật, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự. Bà Th phải có nghĩa vụ di dời một phần căn nhà để giao cho ông T, bà Ta diện tích đất 92,1m²; ông T, bà Ta phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời một trại bò, một phần căn nhà và các cây trồng trên đất để trả lại cho các ông bà Th, Ng, H, T1, Ch, X và L phần đất 425,9m².

[5] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông bà Th, Ng, H, T1, Ch, X, L.

Các đương sự đều thống nhất bà Th, ông Đ (chết ngày 29/11/2004) có tất cả 7 người con gồm: Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị Ta, Lê Thị L và phần đất tranh chấp 518m² là tài sản chung của ông Đ, bà Trần Thị Th tạo lập, trước khi ông Đ chết không có định đoạt gì đối với ½ trong tổng số 518m² đất.

Đến năm 2007 khi còn trong thời hiệu khởi kiện về thừa kế theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì ông T, bà Ta làm đơn xin cấp quyền sử dụng đất diện tích 518m², khai nguồn gốc đất cha mẹ cho năm 2007, tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh cho việc ông T, bà Ta được cha mẹ cho phần đất trên. Tại hồ sơ cấp quyền sử dụng đất của ông T, bà Ta có đơn tự thuận ngày 05/6/2007, nội dung bà Th và các con đồng ý để cho bà Ta được hưởng phần đất 506m². Tuy nhiên tại phiên tòa ông T, bà Ta thừa nhận tờ tự thuận ngày 05/6/2007 chỉ có bà Chi và bà Thu ký tên, còn các thừa kế khác của ông Đ như: Th, Ng, H, X, L không ký tên; riêng các ông bà Th, Ng, H, X, L, Ch, T1 thì không thừa nhận có ký tên vào đơn tự thuận ngày 05/6/2007; hơn nữa đơn tự thuận này không có ý kiến của ông Lê Văn X là hàng thừa kế của ông Đ là chưa hợp pháp.

Như vậy không có căn cứ cho rằng các thừa kế của ông Đ đồng ý cho các nguyên đơn phần đất 518m², các nguyên đơn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật. Mặt khác trên đất lúc bấy giờ còn có một căn nhà của bà Lê Thị Ng, nhưng khi cấp quyền sử dụng đất cho các bị đơn thì không có ý kiến của bà Ng là chưa phù hợp. Từ những nhận định trên xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF ngày 05/3/2008 diện tích 518m² cho ông T, bà Ta là chưa đúng trình tự pháp luật quy định. Bà Th, Ng, H, X, L, Ch, T1 có phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ta, ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

Trên phần đất 518m² có căn nhà của bà Lê Thị Ng, tuy nhiên các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 12 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc ông T, bà Ta, phải chịu 200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp (ông T, bà Ta đã nộp xong).

Bà Th được nhận lại 200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng:

Ông T, bà Ta đồng ý chịu các chi phí tố tụng tổng cộng 3.215.400đồng (Gồm chi phí định giá lần một: 1.000.000đồng, lệ phí đo đạc lần một: 530.000đồng; lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lần 2: 1.685.400đồng).

Bà Th đồng ý chịu chi phí đo đạc 530.000đồng (đã nộp xong)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Khoản 12 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu của ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị Ta về việc yêu cầu bà Trần Thị Th phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bà Th phải trả lại phần đất 518m² và phải bồi thường chuồng bò 10.000.000đồng, các cây trồng trên đất gồm: 05 cây me nước, 02 cây mít, 02 cây mận, 01 cây còng, 01 cây bạch đàn, 01 cây xoài mỗi cây 1.000.000đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Thị Th đối với việc yêu cầu ông T, bà Ta phải trả lại phần đất 92,1m².

Chấp nhận yêu cầu phản tố của các ông bà Trần Thị Th, Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L về việc yêu cầu hủy giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà Ta và yêu cầu ông T, bà Ta phải trả lại 425,9m² đất.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Đặng Hoàng T, Lê Thị Ta, Trần Thị Th, Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L như sau:

Ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị Ta được quyền sử dụng phần đất diện tích 92,1m² tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh huyện CP.

Bà Th phải có nghĩa vụ di dời một phần căn nhà để giao cho ông T, bà Ta diện tích đất 92,1m².

Các ông bà Trần Thị Th, Lê Thị Ng, Lê Thị H, Lê Thị T1, Lê Thị Ch, Lê Văn X, Lê Thị L được quyền sử dụng phần đất diện tích 425,9m² tại các điểm 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện CP.

Ông T, bà Ta phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời một trại bò, một phần căn nhà diện tích 4,3m² tại các điểm 18, 19, 28, 27, theo Bản đồ hiện trạng ngày 22/01/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện CP và các cây trồng trên đất để trả lại cho các ông bà Th, Ng, H, T1, Ch, X và L phần đất 425,9m².

Công nhận sự tự nguyện của các ông bà Th, Ng, H, T1, Ch, X, L hỗ trợ tiền di dời cho ông T, bà Ta số tiền 5.000.000đồng.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02376bF, thửa đất số 21, tờ bản đồ 56, ngày 05/3/2008 diện tích 518m² do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho ông T, bà Ta.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà Ta, phải chịu 200.000đồng, được khấu trừ vào 200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 06257 ngày 10/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP (ông T, bà Ta đã nộp xong).

Bà Th được nhận lại 200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005561, ngày 24/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

[4] Về chi phí tố tụng:

Ông T, bà Ta đồng ý chịu chi phí tố tụng tổng cộng là 3.215.400đồng (đã nộp xong).

Bà Th đồng ý chịu 530.000đồng (đã nộp xong).

[5] Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phượng